

Mã trang trại:

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CỦA TRANG TRẠI**

Năm 2019

(Áp dụng đối với các trang trại)

Thực hiện theo quyết định số 1849/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục Thống kê về việc điều tra Vốn đầu tư thực hiện.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên chủ trang trại:

2. Địa chỉ:

CQ Thống Kê ghi

- Tỉnh/thành phố: Ninh Bình

- Huyện/quận/Thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

- Xã/phường/thị trấn:

- Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

- Số điện thoại:

3. Tỷ lệ vốn đầu tư của trang trại: (%)

1. Cho nhà ở:

2. Cho sản xuất kinh doanh:

Tổng số:**100%**

(Nếu trang trại có đầu tư cho sản xuất kinh doanh, trả lời tiếp câu hỏi 4, nếu không chuyển xuống mục II)

4. Mục đích đầu tư cho sản xuất kinh doanh (ngành đầu tư)

Mã ngành Đtr CQTK ghi

..... **II. KẾT QUẢ VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Tên chỉ tiêu | Mã số | Thực hiện năm |
|---|-----------|---------------|
| A | B | |
| Tổng số (01=02+05+06+11+12=14+19+20+21) | 01 | |
| A. Chia theo nguồn vốn | | |
| 1. Ngân sách Nhà nước (02=03+04) | 02 | |
| - Ngân sách Trung ương | 03 | |
| - Ngân sách địa phương | 04 | |

| Tên chỉ tiêu | Mã số | Thực hiện năm |
|---|-----------|---------------|
| A | B | |
| 2. Tín dụng đầu tư phát triển | 05 | |
| 3. Vốn vay (06=07+...+10) | 06 | |
| - Vay ngân hàng thương mại nhà nước | 07 | |
| - Vay ngân hàng ngoài nhà nước | 08 | |
| - Vay tổ chức, cá nhân khác ở trong nước | 09 | |
| - Vay tổ chức, cá nhân khác ở nước ngoài | 10 | |
| 4. Vốn tự có | 11 | |
| 5. Vốn huy động từ các nguồn khác | 12 | |
| B. Chia theo khoản mục đầu tư | | |
| <i>Trong đó: Nhà xưởng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng trong nước</i> | 13 | |
| 1. Xây dựng cơ bản (14=15+16+17) | 14 | |
| Chia ra: | | |
| - Xây dựng và lắp đặt | 15 | |
| - Máy móc, thiết bị | 16 | |
| - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác | 17 | |
| <i>Trong đó: Tiền thuê đất hoặc mua QSD đất</i> | 18 | |
| 2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản | 19 | |
| 3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ | 20 | |
| 4. Đầu tư khác | 21 | |

....., ngày.....tháng..... năm 2020

Điều tra viên

- Họ và tên:.....
- Điện thoại:.....
- Ký tên:.....

Chủ trang trại

(Ký, họ tên)